TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **105/**2022/HNGĐ-ST
Ngày 13/5/2022
"Về việc tranh chấp hôn nhân gia đình giữa anh Nguyễn Mạnh C và chị Trần Thị H"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH TUYÊN QUANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lương Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bàn Đức Hiếu.
2. Bà Trần Thị Vân Anh.

Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Hường - Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện H mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 196/2021/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 10 năm 2021 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1983;
Địa chỉ: Thôn Tân Thành, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

* *Bị đơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm 1989;
Địa chỉ: Thôn Tân Thành, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Anh Nguyễn Mạnh C có mặt; chị Trần Thị H vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên toà anh Nguyễn Mạnh C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị H có quan hệ hôn nhân hợp pháp, kết hôn có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn đúng quy định tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện H ngày 09 tháng 01 năm 2014. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng chung sống

với gia đình anh tại thôn Tân Thành, xã T, huyện H. Vợ chồng chung sống hoà thuận đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do chị H có quan hệ ngoài hôn nhân với người đàn ông khác. Anh cũng đã cho chị H cơ hội để khắc phục sai lầm nhưng chị H không thay đổi; đến tháng 8 năm 2020 thì chị H tự ý bỏ đi làm công nhân, cụ thể ở đâu anh không nắm được. Từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau, không còn tình cảm, chị H thỉnh thoảng về nhà thăm con xong lại đi. Khi nộp đơn xin ly hôn anh có thông báo cho chị H biết và có trao đổi để chị H về giải quyết nhưng chị H nói chị đi làm không về, tuỳ anh giải quyết. Anh xác định tình cảm vợ chồng còn, mâu thuẫn không thể hoà giải được, vợ chồng không thể quay lại chung sống với nhau. Anh đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị H.

Về con chung: Anh Nguyễn Mạnh C xác định, anh và chị Trần Thị H có 02 con chung, cháu Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 25/01/2015; cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 24/10/2018. Hiện nay, các con chung của anh và chị H đều đang do anh trực tiếp nuôi dưỡng, các cháu có cuộc sống ổn định, được đi học. Khi ly hôn anh đề nghị được là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 con chung, cháu Nguyễn Thị Trà M và cháu Nguyễn Ngọc H. Trong đơn khởi kiện và bản tự khai anh có yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng, nhưng đến Biên bản lấy lời khai ngày 17/02/2022 anh trình bày, do chị H không có nhiều tình cảm với các con, không quan tâm đến con nên anh nuôi con không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Anh Nguyễn Mạnh C xác định vợ chồng không có tài sản, đất đai chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; vợ chồng không có vay nợ chung, nên không đề nghị Toà án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi văn bản tố tụng theo đường bưu điện và niêm yết đúng quy định nhưng chị H không đến Tòa án để làm việc. Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang tiến hành xác minh tại nơi cư trú cũng là nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chị H. Kết quả xác minh thể hiện, chị H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Tân Thành, xã T, huyện H; ông Phạm Văn Sỹ, Trưởng thôn Tân Thành xác nhận, chị Trần Thị H có đăng ký hộ khẩu thường trú, có nhà ở tại thôn Tân Thành, xã T, huyện H. Hiện nay, ở nhà chỉ có anh Nguyễn Mạnh C và 02 con chung của anh C và chị H thường xuyên ở nhà, chị H đi làm công nhân thỉnh thoảng mới về. Do vậy, việc chị H không đến Tòa án để làm việc thể hiện ý thức chủ quan của chị H là không thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Tại Biên bản ghi nhận ý kiến của con chung, cháu Nguyễn Thị Trà M, cháu M trình bày: Gia đình cháu ở riêng, sát nhà ông bà nội, cháu không biết việc bố mẹ mâu thuẫn, chỉ biết bố mẹ không hạnh phúc, mẹ đi đâu cháu không biết, thỉnh

thoảng mẹ có về thăm 02 chị em; 02 chị em cháu ở cùng bố, hàng ngày do bố chăm sóc, cháu muốn mẹ về ở cùng bố con cháu, nếu mẹ không về cháu vẫn muốn hai chị em ở cùng nhau và ở với bố.

Kết quả xác minh cũng thể hiện về các mối quan hệ của anh C và chị H như sau: Anh Nguyễn Mạnh C và chị Trần Thị H có quan hệ vợ chồng hợp pháp, khi kết hôn có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn đúng quy định. Việc vợ chồng anh C chị H mâu thuẫn với nhau cụ thể như thế nào thì địa phương không nắm được. Hiện nay, chị H đi làm công nhân, thỉnh thoảng có về nhà; anh C và chị H có 02 con chung, các con chung của anh chị đang ở cùng anh C, do anh C nuôi dưỡng. Về tài sản chung của anh C và chị H, anh chị ở nhà riêng trên đất của bố mẹ đẻ anh C, cụ thể địa phương không nắm được. Vay nợ chung của anh C và chị H địa phương không biết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho anh Nguyễn Mạnh C được ly hôn với chị Trần Thị H. Giao cháu Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 25/01/2015 và cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 24/10/2018 cho anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh C chưa yêu cầu và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Anh C xác nhận vợ chồng không có tài sản, đất đai chung; không có vay nợ chung; anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản, vay nợ chung nên đề nghị không xem xét giải quyết; anh Nguyễn Mạnh C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, chị Trần Thị H không phải nộp án phí; các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và ý kiến trình bày tại phiên toà của anh Nguyễn Mạnh C và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Mạnh C và chị Trần Thị H tự nguyện kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang năm 2014. Cuộc sống chung vợ chồng bắt

đầu mâu thuẫn từ năm 2020 cũng từ đó vợ chồng sống ly thân, cuộc sống chung không hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm, không còn có sự gắn kết, không còn quan tâm đến nhau nữa. Quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị H không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không tồn tại gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Mạnh C, xử cho anh C được ly hôn với chị Trần Thị H.

[2] Về con chung: Theo ý kiến trình bày của anh Nguyễn Mạnh C và các tài liệu chứng cứ khác đều đủ cơ sở xác định, anh C và chị Trần Thị H có 02 con chung, cháu Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 25/01/2015 và cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 24/10/2018; từ khi vợ chồng sống ly thân, con chung do anh C trực tiếp nuôi dưỡng, có môi trường sống ổn định. Nên cần chấp nhận đề nghị của anh C và ý kiến của cháu Nguyễn Thị Trà M thể hiện tại văn bản ghi nhận ý kiến, giao cháu Nguyễn Thị Trà M và cháu Nguyễn Ngọc H, là con chung của anh C chị H cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, trông nom, giáo dục; do anh C chưa yêu cầu nên chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung; chị H có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở; sau khi ly hôn chị H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

[3] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Anh Nguyễn Mạnh C xác định vợ chồng không có tài sản, đất đai chung; không có vay nợ chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về việc vắng mặt của chị Trần Thị H: Trong quá trình giải quyết vụ án chị H vắng mặt không có lý do, Tòa án nhân dân huyện H đã tiến hành xác minh nơi cư trú và các mối quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung, quan hệ tài sản, đất đai, vay nợ chung của anh C và chị H, cũng như đã tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đảm bảo đúng với các quy định của pháp luật. Kết quả xác minh đã thể hiện chị H vẫn có nơi cư trú (nhà ở) tại địa phương và có đăng ký hộ khẩu tại thôn Tân Thành, xã T, huyện H, chị H anh C cùng các con ở nhà riêng trên đất của bố mẹ đẻ anh C. Các thủ tục tống đạt và xác minh của Tòa án đã thực hiện đầy đủ và đúng với các quy định của pháp luật về việc giải quyết vụ án trong trường hợp một bên đương sự vắng mặt; anh C cũng báo cho chị H biết nội dung anh C làm đơn đề nghị giải quyết ly hôn tại Tòa án.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Mạnh C phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật; chị Trần Thị H không phải nộp án phí.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Mạnh C được ly hôn với chị Trần Thị H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 03/2014 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, cấp ngày 09 tháng 01 năm 2014 cho anh Nguyễn Mạnh C và chị Trần Thị H không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu pháp luật.

2. Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 25/01/2015 và cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 24/10/2018, cho anh Nguyễn Mạnh C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Trần Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung (do anh C chưa yêu cầu) và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Các đương sự có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Mạnh C phải nộp 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh C đã nộp 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số AA/2021/0004564 ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Chị Trần Thị H không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Mạnh C, có mặt tại phiên toà, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Trần Thị H, vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lương Thanh Huyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Văn Thiết - Dương Thị Ninh **Lương Thanh Huyền**